

Chữ Việt

và diễn biến theo thời gian

Chữ là ký hiệu được ghi lại để tượng trưng cho một âm thanh hay một tiếng nói.

Các bộ lạc, dân tộc từ khi bắt đầu biết khôn để sống theo tập đoàn, xã hội, đã biết sáng tạo ra chữ để ghi chép, diễn tả các sinh hoạt, phong tục, nghi lễ của họ.

Các ký hiệu ấy được cải biến đơn giản hơn, có hệ thống hơn cho dễ truyền bá và thích hợp với sự hiểu biết của mọi người trong bộ lạc hay dân tộc.

Việt Nam là một dân tộc hùng mạnh, thông minh, có tiếng nói riêng của mình.

Người VN, tổ tiên lâu đời của chúng ta, khi có đủ văn minh và khi nhu cầu xã hội đòi hỏi, cũng sáng tạo ra chữ để diễn tả sinh hoạt văn hóa, lịch sử và tôn giáo, lễ nghi, phong tục.

Xét về chữ Việt, qua thời gian, ta có thể phân ra ba loại: Chữ Việt cổ, chữ Nôm và chữ Việt hiện nay. Chữ Việt cổ là chữ có dạng "khoa đầu", viết ra có hình tựa như con nòng nọc, ngoằn ngoèo, đầu to đuôi nhỏ. Chữ Việt cổ sau cùng được qui mô hóa, có chữ cái và có vận giống như chữ Chàm, chữ Phạn, chữ cổ Ấn Độ.

Chữ Nôm là chữ Việt phỏng theo chữ Hán mà tạo thành.

Chữ Việt hiện nay có chữ cái giống chữ cái của chữ La Tinh và âm của chữ cái được phát theo âm Việt.

Mỗi loại chữ, qua thời gian, đã đóng góp rất nhiều trong đời sống xã hội, văn hóa và tôn giáo của dân tộc VN.

I. CHỮ VIỆT CỔ

Chữ Việt cổ là loại chữ khoa đầu, hình con nòng nọc, ngoằn ngoèo, đầu to đuôi nhỏ. Chữ Việt cổ có thể giống như chữ Chàm hay chữ Hiragana của Nhật. Có thể chữ Việt cổ cũng phần nào ảnh hưởng chữ Phạn, chữ cổ Ấn Độ. Chữ Việt cổ phải có từ khi

dân Việt biết sống theo tổ chức bộ lạc, nghĩa là ít ra cũng cách nay năm, sáu ngàn năm. Chữ Việt cổ bắt đầu từ những chữ tượng hình. Dấu tích của chữ Việt cổ nhất được tìm thấy khắc trên vách đá ở Thượng Phú, gần Minh Cầm, Quảng Bình; chữ khắc trên những mảnh đá tìm thấy ở Hang Kỳ, Thái Nguyên; những viên đá sỏi được khắc chữ tìm thấy ở Len Đát, Bắc Sơn, Lạng Sơn; chữ được khắc trên một mặt núi đá lở thiên ở Muồng Hoa, cao nguyên Tây Bắc.

Tất cả chứng tích trên đều là chữ tượng hình. Qua thời gian, chữ tượng hình có thể được cải biến. Sự cải biến này có thể được phối hợp với chữ Phạn, là một loại chữ khoa đầu có nguyên âm và phụ âm.

Theo lời chú trong Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương mục của Quốc sử quán triều Nguyễn, dựa theo sách Thông Chí của Trịnh Tiều và sách Cương Mục Tiền Biên của Kim Lý Tuồng thì đời Đào Đương (2357-2258 trước tây lịch) ở phương Nam có họ Việt Thuồng qua hai lần sứ dịch, sang chầu dâng rùa thần. Rùa này có lẽ đã sống đến ngàn năm, mình nó đến hơn ba thước (96cm), trên lưng có chữ khoa đầu ghi chép việc từ khi mới mò mang về sau. Vua Nghiêu sai chép lấy, gọi là Qui Lịch (lịch rùa)" (1). Như vậy, chữ Việt cổ đã có trước năm 2357 trước tây lịch, tức là cách nay hơn bốn ngàn năm.

Cao Tổ nhà Tùy (589-617) muốn dựng chùa, lập tháp ở Giao Châu và Bảo Đàm Thiện pháp sư cù các sa môn đạo hạnh sang đó giảng đạo. Pháp sư đã tâu rằng: "Cố Giao Chi có đường sang Thiên Trúc gần hơn ta. Khi Phật giáo chưa du nhập vào Giang Đông thì ở đó đã xây được trên 20 bảo tháp, độ được trên 500 tăng sĩ, dịch được 15 bộ kinh. Bấy giờ có các vị Ma Ha Kỳ Cực, Khuông Tăng Hội, Chi Cương Lương và Mâu Bác đến ở truyền đạo." (1). Phật giáo du nhập Trung hoa từ năm 67. Điều này chứng tỏ rằng người Việt thời đó đã có liên lạc với người Ấn Độ và dịch nhiều kinh Phật sang chữ Việt cổ. Chữ Việt cổ này có thể có rất nhiều ảnh hưởng của chữ Phạn. Ta có thể cho là chữ khoa đầu khi đọc các

hình, nét khắc trên đồ đồng Đông Sơn. Chứng tích này được chôn trước thời Hai Bà Trưng 32 năm (2). Như vậy chữ viết trên đồ đồng Đông Sơn phải có trước đây hơn hai ngàn năm.

Qua các dẫn chứng vừa nêu trên, ta có thể kết luận rằng chữ Việt cổ đã được phát sinh và hành trưởng cách đây hơn 4500 năm. Chữ Việt cổ này nhất định đã đóng góp rất nhiều trong sự phát triển và duy trì phong tục, tập quán, tôn giáo, đạo đức và tiếng nói VN. Chữ Việt cổ bị mất dần khi nước VN bị Trung Hoa đô hộ vào năm 111 trước tây lịch.

Thật là hi hữu để có các chứng tích của chữ Việt cổ đã cách nay hơn 4,5 ngàn năm. Các chứng tích của chữ Việt cổ lại càng khó tìm kiếm hơn nữa khi nước VN trải qua một ngàn năm dưới sự đô hộ hà khắc của Trung Hoa, luôn luôn muốn đồng hóa dân tộc VN. Tuy nhiên, với khả năng khoa học tiến bộ, qua thời gian và công lao tìm kiếm của các nhà khảo sát cổ ngũ, sau này nhất định chữ Việt cổ sẽ được xác định nguồn gốc và ảnh hưởng của nó đối với tiếng Việt và dân tộc Việt trong quá khứ.

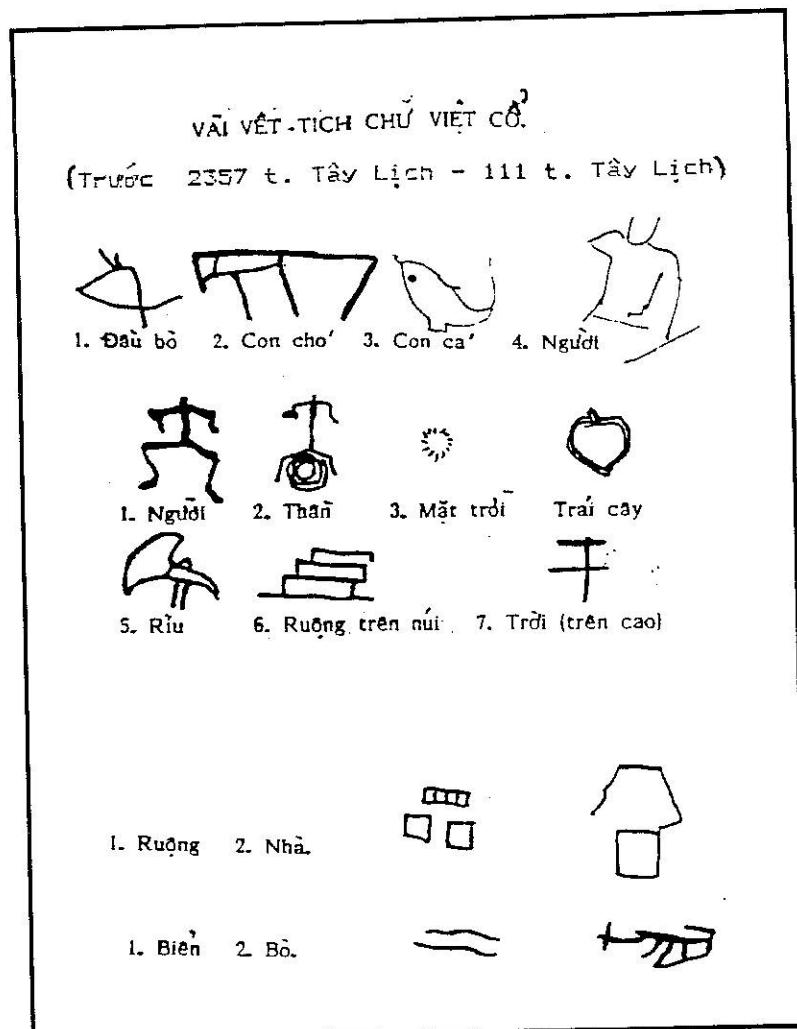
II. CHỮ NÔM

Chữ Nôm là chữ Việt lấy chữ Hán của Trung Quốc, một loại chữ ô vuông tượng hình, làm căn bản, để đọc hoặc để biến cải cho phù hợp với tiếng VN.

Cách cấu tạo chữ nôm cũng phòng theo cách cấu tạo chữ Hán, nghĩa là theo sáu phép tạo chữ (lục thư) và dùng căn bản là chữ Hán (3).

Từ năm 111 trước tây lịch, nước VN bị Trung Hoa đô hộ. Đó là vào đời Hán Vũ Đế bên Tàu. Người Trung hoa cố ý đem nền văn hóa của họ áp đặt vào nền văn minh của xã hội VN bằng cách dạy chữ Hán, thay đổi nền hành chánh xã hội, dạy dân Việt theo lề nghi của người Trung hoa. Do chế độ cai trị hà khắc và lâu dài, cho nên chữ Việt cổ dần dà bị mất đi.

Trong khi dạy chữ Hán hoặc học tiếng Việt để giao thiệp trong đời sống hàng ngày, người Trung Quốc đã dùng chữ Hán để dịch nghĩa và âm thanh của tiếng Việt. Người Việt cũng làm như thế để học



và hiểu chữ Hán.

Vì tiếng Trung Hoa và tiếng Việt khác nhau, vì nhu cầu đời sống văn hóa, xã hội và hành chánh, qua thời gian lâu dài, việc âm chữ và tiếng được hệ thống hóa cho nên một loại chữ Việt được ra đời, đó là chữ Nôm.

Sĩ Nhiếp là thái thú Trung Hoa ở nước ta từ năm 187 đến năm 226. Trong thời gian 40 năm, Sĩ Nhiếp cai trị có phép tắc, khuếch trương đạo Nho, đem giáo hóa truyền bá cho dân ta, giải nghĩa bằng tục ngữ nước Nam để thông chuơng và cú của chữ Hán, họp thành thơ ca quốc ngữ để ghi tên gọi, theo vần mà làm sách "Chi Nam Phẩm Vụng", thượng hạ hai quyển. Do đó, ta có thể nói chữ Nôm phát triển có hệ thống từ thời Sĩ Nhiếp, tức là vào thế kỷ thứ 2, cuối thời Đông Hán bên Tàu. VN bị Trung Quốc đô hộ từ năm 111 trước tây lịch cho đến năm 906. Như vậy là hơn ngàn năm. Năm 906, Khúc Thừa Dụ ở Hồng Châu (Hải Dương) được dân tôn lên làm Tiết

Độ Xứ. Lúc này là VN bắt đầu độc lập, thoát ách đô hộ Trung hoa.

Một ngàn năm về trước, trong thời kỳ Trung hoa đô hộ VN, và 900 năm về sau VN độc lập, chữ Hán là chữ chính thức được dùng trong việc hành chánh, cai trị, thi cử, học hành của vua quan và dân VN. Tuy vậy, chữ Hán vẫn là chữ ngoại quốc. Trong lúc đó, chữ Nôm mới chính là chữ quốc ngữ của VN được phổ biến dễ dàng và thuận lợi trong dân gian. Chữ nôm được dạy học trong các chùa Phật giáo, trong các trường ở khắp nông thôn. Thời Trần, vào năm 1288, sử chép: "Theo lệ cũ, thì mỗi khi triều đình có truyền ra lời nói của vua, thì ty hành khiếu phải giảng cả âm nghĩa cho dân thường dễ hiểu, tức phải đem chiếu chi bằng chữ Hán mà giảng cả âm lẫn nghĩa, tức là trong lời chiếu dụ gởi về địa phương kèm theo câu chữ Hán phải có câu giải nghĩa bằng chữ Nôm." (3) Như vậy, ta phải hiểu rằng chữ Nôm đã được phát triển mạnh trong thời Trần.

Trong kho tàng văn hóa VN, những văn chương bình dân như ca dao, tục ngữ, những văn thơ tuyệt cú đỉu được dùng chữ Nôm để viết và truyền tụng. Trần Nhân Tôn (1270-1293) có viết bằng chữ nôm bài phú "Cu Trần Lạc Đạo" và bài ca "Đắc Thủ Lâm Tuyền Đạo". Vua Lê Thánh Tôn (1410-1426) đã làm bài thơ bằng chữ Nôm "Miếu Bà Trương".

Nguyễn Trãi vào đời Lê đã để lại cho hậu thế các văn thơ bằng chữ Nôm tuyệt tác.

Đầu thế kỷ thứ 18, Đoàn Thị Điểm đã diễn Nôm cuốn "Chinh Phụ Ngâm" của Đăng Trần Côn. Truyền thơ "Cung Oán Ngâm Khúc" bằng chữ Nôm của Nguyễn Gia Thiều (1741-1798), vĩ đại nhất là Truyền Kiêu của Nguyễn Du (1765-1820) hoàn toàn viết bằng chữ Nôm, văn chương bình dân "Lục Văn Tiên" của Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) cũng bằng chữ Nôm.

Chữ Nôm đã thịnh hành và phát triển mạnh mẽ đến mức độ vào năm 1867, đời vua Tự Đức, Nguyễn Trường Tộ đã đề nghị: "Cải cách chữ Nôm để làm chủ chính thức của nước ta." Nhưng tiếc thay, đề nghị này đã không được vua Tự Đức quan tâm. Những ý kiến của Nguyễn Trường Tộ đã không được thực hiện và, sau đó ít lâu, nుoc ta bị Pháp đô hộ và chữ Nôm cũng nhu chữ Hán đã dần dần suy vi.

Cuối đời Nguyễn, thì chữ Nôm bị đào thải và trở thành một thứ cổ tự. Năm 1863, ở Nam kỳ, chính phủ thuộc địa Pháp đã ra lệnh bỏ trường dạy chữ Hán. Chính phủ bảo hộ của Pháp đã bãi bỏ các kỳ

thi Hương bằng chữ Hán ở Bắc Kỳ vào năm 1915 và ở Trung kỳ vào năm 1918. Từ đó, chữ Hán không được trọng dụng nữa. Do đó, chữ Nôm cũng dần dần biến thành một thứ chữ xưa, không được phổ biến trong dân gian.

Chữ Nôm đã được phát sinh từ thế kỷ thứ Nhất trước tây lịch, phát triển có hệ thống vào thế kỷ thứ 2, phổ biến sâu rộng vào thế kỷ thứ 13, phát triển cao điểm từ thế kỷ thứ 14 đến thế kỷ thứ 19 và bị đào thải để biến thành cổ tự vào đầu thế kỷ 20 (thế kỷ 1 trước tây lịch: Hai Bà Trưng, thế kỷ thứ 2: thái thú Sĩ Nhiếp; thế kỷ thứ 13: đời Trần; thế kỷ thứ 14: đời Lê, thế kỷ thứ 19: đời Nguyễn; đầu thế kỷ 20: cuối Nguyễn, Pháp đô hộ).

Người có công nhiều trong việc phát triển chữ nôm là Sĩ Nhiếp. Chữ Nôm đã sống với dân tộc VN hơn hai ngàn năm. Chữ Nôm đã là một phương tiện sắc bén dùng để bảo vệ tiếng nói và dân tộc tính VN khỏi sự đồng hóa của Trung hoa. Nhờ có chữ Nôm, dân tộc VN mới có nền văn hóa hiện nay.

Tuy nhiên, đầu thế kỷ 20, theo hoàn cảnh lịch sử và xã hội mới, chữ Nôm đã không được phổ thông trong dân gian nữa, biến thành cổ tự và đi vào quá khứ.

III. CHỮ VIỆT NGÀY NAY: CHỮ QUỐC NGỮ

Chữ Việt ngày nay thường được gọi là chữ quốc ngữ. Cách viết các chữ cái trong chữ quốc ngữ được phỏng theo cách viết các chữ cái trong chữ La Tinh. Các chữ cái mày được phát âm theo âm VN. Chữ quốc ngữ có 12 nguyên âm và 27 phụ âm. Từ các chữ cái, vận xuôi và vận ngược được ghép lại. Tiếng Việt được viết lên bằng cách ghép vận qua chữ cái, vận xuôi và vận ngược. Chữ quốc ngữ bắt đầu có từ khi các giáo sĩ Thiên chúa giáo từ Âu Châu sang VN truyền đạo, vào thế kỷ 16. Giáo sĩ đầu tiên đến truyền đạo tại VN tên là I Ni Khu, vào năm 1533, đời Lê Trang Tôn (4).

Để học tiếng Việt, giảng giải giáo lý cho con chiên và để giao thiệp với dân chúng, các giáo sĩ Âu Châu đã dùng chữ cái La Tinh để âm các danh từ tiếng Việt.

Mặc dù trong thời gian này, ở VN, chữ Nôm rất thịnh hành, nhưng vì chữ Nôm khó học và khó nhớ, cho nên các giáo sĩ đã dùng chữ cái La Tinh để âm vận tiếng Việt. Như vậy, ta có thể chắc chắn chữ quốc ngữ hiện nay được bắt đầu sau năm 1533.

Qua thời gian, chữ quốc ngữ được phát triển, hệ

thống hoá dù để diễn tả tiếng Việt Nam, các giáo sĩ đem sử dụng trong các nhà thờ, các tu viện Thiên chúa để giảng dạy giáo lý.

Năm 1615, các giáo sĩ Francesco Busomi (người Ý) và Diego Carvalho (người Bồ) lập nên giảng đường truyền giáo đầu tiên ở cửa Hàn (Đà Nẵng).

Người có công nhất trong việc phát sinh chữ quốc ngữ là giám mục Alexandre de Rhodes, người Pháp. Ông được cử đến truyền đạo ở VN vào năm 1618. Sau sáu tháng học tập, ông đã giảng đạo bằng tiếng Việt cho tín đồ. Ông biết rõ phong tục, tập quán, tính tình người Việt. Ông thông thạo lịch sử, địa lý VN. Ông đã viết nhiều sách về VN. Ông rời VN vào năm 1645 và mất năm 1660 ở Ba Tư. Cuốn sách "Giáo Lý Đạo Thiên Chúa" và cuốn "Tự Vị Việt Ý Bồ" được giám mục Alexandre de Rhodes viết bằng chữ quốc ngữ và in ra tại La Mã cách đây hơn 300 năm. Đó là những cuốn sách đầu tiên được in bằng chữ quốc ngữ.

Nhờ tính cách dễ viết, dễ học cho nên chữ quốc ngữ được truyền bá dễ dàng trong nhân dân và được nhân dân trọng dụng nhiều hơn chữ Nôm. Dần dà chữ quốc ngữ đã thay chữ Nôm hoàn toàn. Năm 1908, chữ quốc ngữ được chính thức giảng dạy trong các trường tiểu học ở VN.

Trong thời gian chưa đầy 100 năm, nhìn vào kho tàng văn hóa và sự tiến bộ của dân tộc VN, ta thấy rằng chữ quốc ngữ là phương tiện vô cùng lợi ích cho sự tiến bộ và văn minh VN hiện đại. Sách báo, văn chương, tiểu thuyết VN đã viết bằng chữ quốc ngữ. Chữ quốc ngữ đã được dùng để dịch các tài liệu khoa học, kỹ thuật, văn chương ngoại quốc. Tiếng Việt, qua chữ quốc ngữ, được dùng trong các luận án văn chương, khoa học, kỹ thuật, văn kiện hành chánh, ngoại giao và hiệp ước quốc tế. Chữ quốc ngữ đã làm tươi trẻ văn học nghệ thuật VN, hiện đại và phát triển khoa học kỹ thuật cũng như đưa văn minh tiến bộ đến sâu rộng trong nhân dân VN.

Ngày nay, chữ quốc ngữ đã được phát triển đến mức tuyệt hảo của nó. Chữ quốc ngữ đã không kém một thứ chữ nào trên thế giới.

Theo dòng lịch sử, chữ Việt đã có ba loại khác nhau với hình thức hoàn toàn khác nhau.

Chữ Việt cổ là loại chữ khoa đầu, có cách đây trên 4500 năm, mất đi cách đây hơn 2000 năm, chúng tích còn lại rất hiếm hoi. Chúng ta hy vọng trong tương lai, các nhà khảo cổ sẽ tìm ra được nhiều chứng tích hùng hồn và sẽ xác định được vị thế quan

trọng của chữ Việt cổ trong lịch sử.

Chữ Nôm là chữ Việt dùng chữ Hán cải biến mà lập thành. Chữ Nôm có cách đây hơn 2000 năm, không được dùng nữa cách nay gần 100 năm. Chữ Nôm đã có địa vị xứng đáng trong văn học và lịch sử nước nhà.

Chữ quốc ngữ dùng chữ cái của chữ La Tinh, phát âm theo tiếng Việt. Chữ quốc ngữ có trên 400 năm, chính thức phổ biến trong vòng 100 năm nay. Nhờ tính cách đơn giản, dễ học, chữ quốc ngữ đã được phổ biến sâu rộng trong toàn thể nhân dân. Chữ quốc ngữ đóng vai trò vô cùng quan trọng trong sự tiến bộ của dân tộc VN hiện nay.

Ba loại chữ đã có cùng chung một mục đích: diễn tả tiếng VN, phát huy văn hóa, bảo vệ phong tục tập quán, giữ gìn tiếng nói và dòng giống VN.

HÀ THÚC GIÁNG

11/2/92

SÁCH THAM KHẢO:

- 1) Nguồn gốc dân tộc VN, Nguyễn Khắc Ngũ
- 2) Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc VN, Bình Nguyễn Lộc
- 3) Chữ Nôm, Đào Duy Anh
- 4) Việt Nam Pháp thuộc sử, Phan Khoang
- 5) Đại Nam quốc sử diễn ca, Hoàng Xuân Hãn
- 6) Văn học VN, Dương Quảng Hàm

